

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2019
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm.

-Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà: Không

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đồng T2, sinh năm 1986. (Có mặt)

Đều trú tại: Số nhà A, khu B, thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Chị và anh T2 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND thị trấn D. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại địa phương, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mặt khác, anh T2 còn không chịu tu trí làm ăn, thường xuyên uống rượu và liên lạc với người yêu cũ, chị

và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T2 không thay đổi. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh T2. Trong quá trình sống ly thân, anh T2 có đến nhà để gặp chị và con nhưng chị không thấy anh muốn đoàn tụ vợ chồng mà ngược lại còn thể hiện sự không tôn trọng chị và bố mẹ chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với anh T2 cũng không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 12/10/2017, hiện con chung đang ở cùng chị. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung. Tại phiên tòa anh T2 đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 800.000 đồng, chị đồng ý.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Đồng T3 trình bày: Anh và chị T1 kết hôn như chị T1 trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T1 nghi ngờ lòng chung thủy của anh. Hiện nay, chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh đã đến tìm gặp xin lỗi chị T1 nhưng chị T1 và gia đình chị T1 không chấp nhận. Anh cho rằng gia đình chị T1 cố ý chia rẽ tình cảm vợ chồng anh khiến anh chị không thể đoàn tụ. Nay chị T1 xin ly hôn, anh muốn chị T1 suy nghĩ lại, nếu chị T1 cương quyết xin ly hôn anh chấp nhận.

Về con chung: Anh xác định anh và chị T1 có 01 con chung là Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 12/10/2017, do con chung dưới 3 tuổi nên anh đề nghị giao con chung cho chị Thoan trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con cho chị T1 mỗi tháng 800.000 đồng, sau này anh có quyền làm đơn thay đổi nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, hai bên đều xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng đã sống ly thân. Anh T2 và chị T1 đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có thể tự đưa ra mọi quyết định cho cuộc sống hôn nhân của mình nên việc anh T1 cho rằng gia đình chị T2 cố ý chia rẽ khiến anh chị không thể đoàn tụ là không có căn cứ. Anh chị đã có thời gian sống ly thân nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân như vậy có thể thấy hôn nhân của anh, chị chỉ còn là hình thức vì trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy mục đích hôn nhân vợ chồng không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị T1 xin ly hôn anh T2 là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị T1.

[3]. Về con chung: Chị T1 và anh T2 đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 12/10/2017. Tại phiên tòa cả hai đều thống nhất giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T1 mỗi tháng 800.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 và anh T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T2 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn anh Nguyễn Đồng T2.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 12/10/2017 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T1 mỗi tháng 800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T2 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Đồng T2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai số 0002005 ngày 09/10/2019 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, chị T1 đã nộp xong án phí.

5.Về quyền kháng cáo bản án: Chị T1, anh T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy.
- THADS huyện Thái Thụy.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- UBND thị trấn D.
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương